

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2024/CV-PICOMAT
(V/v: Công bố thông tin
Báo cáo tài chính Quý 4/2023)

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Nhựa Picomat thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4 năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT**

- Mã chứng khoán: PCH
- Địa chỉ: Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024.6329.0555
Email: info@picomat.vn
- Website: <https://picomat.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 4 năm 2023
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

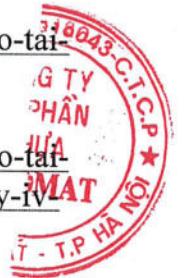
Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30/01/2024 tại đường dẫn:

BCTC riêng Picomat Quý 4 năm 2023: <https://picomat.com.vn/bao-cao-tai-chinh/bctc-rieng-picomat-quy-iv-nam-2023>

BCTC hợp nhất Picomat Quý 4 năm 2023: <https://picomat.com.vn/bao-cao-tai-chinh/bctc-hop-nhat-picomat-quy-iv-nam-2023>

Giải trình LNST BCTC hợp nhất Quý 4 năm 2023: <https://picomat.com.vn/bao-cao-tai-chinh/giai-trinh-lnst-thu-nhap-doanh-nghiep-tai-bao-cao-kqhkd-cua-bctc-hop-nhat-quy-iv-nam-2023>



3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Không có

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất); Không có

- Ngày hoàn thành giao dịch: Không có

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

-Báo cáo tài chính riêng quý 4/2023;

-Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4/2023;

-Giải trình LNST BCTC riêng và hợp nhất Quý/2023.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Thị Kim Oanh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	03 - 04
3. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	05 - 06
4. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07 - 08
5. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Tổng Giám đốc trân trọng đề trình Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104518043 ngày 09 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 09 năm 2023. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất, vốn điều lệ của Công ty là 219.999.900.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong kỳ Quý 4 năm 2023 là kinh doanh các sản phẩm ván nội thất, các sản phẩm từ plastics.

Trụ sở chính: Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ kế toán Quý 4 năm 2023 của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát; Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông	Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch
Bà	Đào Thị Kim Oanh	Thành viên
Ông	Đỗ Hải Đăng	Thành viên
Ông	Nguyễn Mạnh Thắng	Thành viên HĐQT độc lập (Bắt đầu nhiệm kỳ từ ngày 20/06/2023)
Ông	Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT độc lập (Kết thúc nhiệm kỳ ngày 20/06/2023)
Ông	Nguyễn Trung Dũng	Thành viên

Ban kiểm soát:

Bà	Nguyễn Thị Thủy	Trưởng ban
Bà	Đỗ Thị Thùy Linh	Thành viên
Bà	Đỗ Thị Hường	Thành viên

Tổ kiểm toán nội bộ

Ông	Nguyễn Trung Dũng	Tổ trưởng
Bà	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà	Đào Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc
Bà	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau

Bà	Đào Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc
----	------------------	---------------

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

5. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024



Đào Thị Kim Oanh

Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27,402,246,075	69,689,794,993
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23,088,809,228	14,415,928,095
1.	Tiền	111		9,188,809,228	14,415,928,095
2.	Các khoản tương đương tiền	112		13,900,000,000	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16,205,800	20,500,000,000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		16,205,800	-
2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	20,500,000,000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		321,098,405	10,438,985,971
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	231,216,614	291,997,702
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	68,744,000	9,964,937,412
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	21,137,791	217,797,259
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(35,746,402)
IV.	Hàng tồn kho	140		3,878,346,994	24,225,844,422
1.	Hàng tồn kho	141	V.6	3,878,346,994	24,225,844,422
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		97,785,648	109,036,505
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	97,758,756	109,036,505
2.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	26,892	-
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		237,152,926,722	165,199,082,048
I.	Tài sản cố định	220		57,214,314,226	57,949,482,772
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8a	7,489,509,600	8,224,678,146
	- Nguyên giá	222		10,329,616,599	10,956,020,599
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2,840,106,999)	(2,731,342,453)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.8b	49,724,804,626	49,724,804,626
	- Nguyên giá	228		49,724,804,626	49,724,804,626
II.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		171,800,000,000	98,800,000,000
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.9	98,800,000,000	98,800,000,000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	73,000,000,000	-
III.	Tài sản dài hạn khác	260		8,138,612,496	8,449,599,276
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	8,138,612,496	8,449,599,276
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		264,555,172,797	234,888,877,041

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		25,008,643,489	3,043,973,964
I.	Nợ ngắn hạn	310		24,808,643,489	2,843,973,964
1.	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.10	16,951,562,799	29,129,363
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	19,776,583	25,466,200
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	483,112,677	864,630,285
4.	Phải trả người lao động	314		478,836,304	490,111,739
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		13,314,822	2,259,141
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	7,679,400	39,488,600
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	6,854,360,904	1,394,888,636
II.	Nợ dài hạn	330		200,000,000	200,000,000
1.	Phải trả dài hạn khác	337	V.13	200,000,000	200,000,000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		239,546,529,308	231,844,903,077
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	239,546,529,308	231,844,903,077
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		219,999,900,000	200,000,000,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		219,999,900,000	200,000,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		2,207,827,061	2,254,827,061
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17,338,802,247	29,590,076,016
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		9,590,176,016	19,891,993,939
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7,748,626,231	9,698,082,077
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		264,555,172,797	234,888,877,041

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Như Quỳnh

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Đào Thị Kim Oanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	42,339,826,446	49,039,949,056	117,888,229,028	146,257,319,879
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.2	42,339,826,446	49,039,949,056	117,888,229,028	146,257,319,879
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	39,328,495,726	45,703,273,309	109,267,131,947	127,068,128,429
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3,011,330,720	3,336,675,747	8,621,097,081	19,189,191,450
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	446,477,695	325,673,321	7,162,986,637	1,073,876,233
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	42,968,932	248,247,910	344,108,411	987,611,889
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		30,436,819	247,516,140	330,326,942	986,880,119
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	1,342,452,064	1,221,132,232	4,228,266,209	4,315,608,189
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	815,847,229	873,891,188	3,172,711,167	2,826,988,743
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		1,256,540,190	1,319,077,738	8,038,997,931	12,132,858,862
11. Thu nhập khác	31		25,098	17,518	230,970,487	96,335
12. Chi phí khác	32		95,242	101,693	7,954,628	10,095,729
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(70,144)	(84,175)	223,015,859	(9,999,394)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1,256,470,046	1,318,993,563	8,262,013,790	12,122,859,468
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	251,294,009	263,798,713	513,387,559	2,424,777,391
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1,005,176,037	1,055,194,850	7,748,626,231	9,698,082,077

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Đào Thị Kim Oanh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8,262,013,790	12,122,859,468
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	762,379,810	734,869,150
- Các khoản dự phòng	03		(35,746,402)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	731,770
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7,183,507,423)	(1,063,514,481)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	330,326,942	986,880,119
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2,135,466,717	12,781,826,026
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		9,975,495,843	(9,606,530,173)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		20,347,497,428	11,709,648,018
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		16,423,531,408	(27,096,575,021)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		322,264,529	164,397,207
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		(16,205,800)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(319,271,261)	(994,589,785)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(444,777,391)	(2,959,271,287)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48,424,001,473	(16,001,095,015)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(35,000,000)	(914,924,091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		230,000,000	11,016,000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20,500,000,000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(73,000,000,000)	-
5. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7,139,407,392	997,791,506
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(45,165,592,608)	93,883,415
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	29,122,827,061
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(47,000,000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		36,599,581,314	82,820,670,289

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(31,138,109,046)	(95,866,728,073)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5,414,472,268	16,076,769,277
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		8,672,881,133	169,557,677
Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60		14,415,928,095	14,246,370,418
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	23,088,809,228	14,415,928,095

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG




Nguyễn Thị Như Quỳnh

Nguyễn Thị Như Quỳnh



Đào Thị Kim Oanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104518043 ngày 09 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 09 năm 2023. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất, vốn điều lệ của Công ty là 219.999.900.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn:

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần nhựa Picomat	Số 413 Lê Trọng Tấn, P.Kỳ Sơn, Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn và lợi ích của Công ty	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP.Hà Nội, Việt Nam	95%	95%	Sản xuất kinh doanh ván nhựa, tấm nhựa và các sản phẩm khác về nhựa.

Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phân ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty liên kết	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand	Cho thuê bất động sản và dịch vụ lưu trú ngắn ngày	28.27%	28.27%

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Trong kỳ Quý 4 năm 2023 là kinh doanh các sản phẩm ván nội thất, các sản phẩm từ plastics.

Trụ sở chính: Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty không quá 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, thông tư bổ sung 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)**

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) (tiếp theo)**5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10-30 năm
Phương tiện vận tải	7 - 8 năm
Máy móc thiết bị, thiết bị văn phòng	5- 10 năm
Tài sản cố định khác	8- 10 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm: Chi phí mua bảo hiểm, chi phí phần mềm, công cụ dụng cụ; tiền thuê đất trả trước.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi bán hàng trả chậm, trả góp và các hoạt động doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:

1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó;
2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính là khoản chi phí đi vay vốn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong kỳ tài chính.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

15. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng thành viên, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

17. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của công ty trong kỳ tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Công ty đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền		
Tiền mặt	816,057,114	390,954,058
Việt Nam đồng	816,057,114	390,954,058
Tiền gửi ngân hàng	22,272,752,114	14,024,974,037
Tiền gửi ngân hàng Việt Nam đồng	8,372,752,114	14,024,974,037
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	13,900,000,000	-
Cộng	23,088,809,228	14,415,928,095

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 3.4 đến 3.6%/ năm tại Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh	16,205,800	-	-	-
Cộng	16,205,800	-	-	-

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	-	-	20,500,000,000	-
Cộng	-	-	20,500,000,000	-

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất 8.3%/ năm tại Ngân hàng.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	231,216,614	-	291,997,702	(35,746,402)
Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Đồng Hàn	-	-	39,818,515	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ván gỗ Công nghiệp Thuận Phát	167,952,315	-	165,658,476	-
Khách hàng khác	63,264,299	-	86,520,711	(35,746,402)
Cộng	231,216,614	-	291,997,702	(35,746,402)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	68,744,000	-	9,964,937,412	-
Công ty cổ phần giao thông số Việt Nam	2,744,000	-	2,816,000	-
Công ty cổ phần vật liệu Hải Đăng	-	-	9,897,321,412	-
Các đối tượng khác	66,000,000	-	64,800,000	-
Cộng	68,744,000	-	9,964,937,412	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	21,137,791	-	217,797,259	-
Lãi dự thu	19,686,026	-	197,797,259	-
Phải thu khác	1,451,765	-	20,000,000	-
Cộng	21,137,791	-	217,797,259	-

6. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	57,507,535	-
Công cụ dụng cụ	-	-	1,106,000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	3,160,500	-
Hàng hóa	3,878,346,994	-	10,354,676,235	-
Hàng gửi bán	-	-	13,809,394,152	-
Cộng	3,878,346,994	-	24,225,844,422	-

7. Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	97,758,756	109,036,505
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	97,758,756	109,036,505
b. Chi phí trả trước dài hạn	8,138,612,496	8,449,599,276
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	57,516,598	78,596,084
Quyền sử dụng mặt bằng (i)	7,994,336,514	8,225,498,058
Chi phí khác	86,759,384	145,505,134
Cộng	8,236,371,252	8,558,635,781

(i) Quyền sử dụng mặt bằng là quyền sử dụng diện tích sàn tầng 1, tòa nhà CT3B, Khu dự án Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8a. Thuyết minh TSCĐ	Khoản mục	Nhà cửa và	Phương tiện	Thiết bị	Tài sản	Tổng cộng
		vật kiến trúc	vận tải	văn phòng	có định khác	
		VND	VND	VND	VND	VND
	NGUYÊN GIÁ					
	Số dư tại 01/01/2023	5,660,225,077	2,812,024,000	810,435,834	1,673,335,688	10,956,020,599
	Mua sắm, xây mới	-	-	-	35,000,000	35,000,000
	Thanh lý, nhượng bán	-	(661,404,000)	-	-	(661,404,000)
	Số dư tại ngày 31/12/2023	5,660,225,077	2,150,620,000	810,435,834	1,708,335,688	10,329,616,599
	GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
	Số dư tại 01/01/2023	412,344,342	1,524,378,592	266,918,942	527,700,577	2,731,342,453
	Trích khấu hao trong kỳ	188,674,164	289,196,233	104,546,472	179,962,941	762,379,810
	Thanh lý, nhượng bán	-	(653,615,264)	-	-	(653,615,264)
	Số dư tại ngày 31/12/2023	601,018,506	1,159,959,561	371,465,414	707,663,518	2,840,106,999
	GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
	Số dư tại 01/01/2023	5,247,880,735	1,287,645,408	543,516,892	1,145,635,111	8,224,678,146
	Số dư tại ngày 31/12/2023	5,059,206,571	990,660,439	438,970,420	1,000,672,170	7,489,509,600

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: Không.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: Xe Ô tô tài BKS: 29C-73192, nguyên giá 638.285.455 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***8b. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư tại 01/01/2023	49,724,804,626	49,724,804,626
Số dư tại 31/12/2023	49,724,804,626	49,724,804,626
Giá trị còn lại		
Số dư tại 01/01/2023	49,724,804,626	49,724,804,626
Số dư tại 31/12/2023	49,724,804,626	49,724,804,626

(*) Quyền sử dụng đất tại 31/12/2023 gồm:

- Quyền sử dụng đất là lô đất tại Khu đô thị mới Cao Xanh, Hà Khánh A, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Quyền sử dụng đất là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại số 8A + 8B, lô G5 thuộc khu A, khu nhà ở Anh Dũng IV, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng
Việt Nam**9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn****Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2023		01/01/2023			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư vào công ty con	98,800,000,000	-	-	98,800,000,000	-	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	98,800,000,000	-	-	98,800,000,000	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	73,000,000,000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản Poland	73,000,000,000	-	-	-	-	-
Cộng	171,800,000,000	-	-	-	-	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con

Tên Công ty	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	98,800,000,000	95%	95%	98,800,000,000	95%	95%

Tóm tắt tình hình hoạt động các công ty con

Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng trước thân là Công ty TNHH Đa ngành Hải Đăng được thành lập và hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 0500478475 cấp lần đầu ngày 14/8/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp được thay đổi lần 6 ngày 25/10/2021, ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh ván nhựa, tấm nhựa và các sản phẩm khác về nhựa.

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản Pcland	73,000,000,000	28.27%	28.27%	-	0%	0%

(**) Trong kỳ, Công ty đã mua 5.200.000 Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand từ các cá nhân, tổng giá trị theo mệnh giá mua 52.000.000.000 đồng với giá đầu tư của số cổ phần này là 72.800.000.000 đồng, phí đầu tư 200.000.000 đồng.
- Theo nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2023 và tờ trình số: 09/2023/TTr-HĐQT ngày 07/06/2023 - Thông qua phương án mua lại cổ phần Pcland từ nguồn vốn tự có của Công ty CP Nhựa Picomat. Số lượng cổ phần sau khi mua: 3.600.000 cổ phần, tổng giá trị mua lại: 50.400.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu của Picomat là: 19.57%.

- Theo nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/11/2023 và tờ trình số: 11/2023/TTr-HĐQT ngày 27/10/2023 - Thông qua phương án mua lại cổ phần Pcland từ nguồn vốn tự có (lần 2) của Công ty CP Nhựa Picomat. Số lượng cổ phần sau khi mua: 1.600.000 cổ phần, tổng giá trị mua lại: 22.400.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu của Picomat là: 28.27%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Phải trả người bán	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	16,951,562,799	16,951,562,799	29,129,363	29,129,363
Công ty cổ phần vật liệu Hải Đăng	16,827,055,442	16,827,055,442	-	-
Công ty CP KD Phát triển Nhà & ĐT Hà Nội	113,850,000	113,850,000	-	-
Phải trả đối tượng khác	10,657,357	10,657,357	29,129,363	29,129,363
Cộng	16,951,562,799	16,951,562,799	29,129,363	29,129,363
11. Người mua trả tiền trước			31/12/2023	01/01/2023
Ngắn hạn			19,776,583	25,466,200
Các khách hàng khác			19,776,583	25,466,200
Cộng			19,776,583	25,466,200
12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/khấu trừ trong kỳ	31/12/2023
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	689,852,894	2,321,044,585	2,771,172,361	239,725,118
Thuế TNDN	174,777,391	513,387,559	444,777,391	243,387,559
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7,000,000	7,000,000	-
Cộng	864,630,285	2,970,308,078	3,351,825,686	483,112,677
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	128,875,934	128,902,826	26,892
Cộng	-	128,875,934	128,902,826	26,892
13. Phải trả khác			31/12/2023	01/01/2023
Ngắn hạn			7,679,400	39,488,600
Kinh phí công đoàn			7,679,400	39,488,600
Dài hạn			200,000,000	200,000,000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn			200,000,000	200,000,000
Cộng			207,679,400	239,488,600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Vay và nợ thuê tài chính**Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2023		Phát sinh trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	6,854,360,904	6,854,360,904	36,599,581,314	31,138,109,046	1,392,888,636	1,392,888,636
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN Vạn Phúc Hà Nội.	6,854,360,904	6,854,360,904	36,599,581,314	31,138,109,046	1,392,888,636	1,392,888,636
	6,854,360,904	6,854,360,904	36,599,581,314	31,138,109,046	1,392,888,636	1,392,888,636

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/3838347/HĐTD ngày 22/11/2023 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Vạn Phúc Hà Nội với Công ty. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Lãi suất thả nổi có điều chỉnh. Phương thức đảm bảo: thế chấp bằng tài sản của bên vay, bao gồm: Quyền sử dụng đất là thừa đất tại Khu đô thị mới Cao Xanh, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND Thành phố Hạ Long cấp ngày 09/5/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	173,132,000,000	-	19,891,993,939	193,023,993,939
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	9,698,082,077	9,698,082,077
Phát hành thêm cổ phiếu	26,868,000,000	2,254,827,061	-	29,122,827,061
Số dư tại 31/12/2022	200,000,000,000	2,254,827,061	29,590,076,016	231,844,903,077
Số dư tại 01/01/2023	200,000,000,000	2,254,827,061	29,590,076,016	231,844,903,077
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	7,748,626,231	7,748,626,231
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (**)	19,999,900,000	(47,000,000)	(19,999,900,000)	(47,000,000)
Số dư tại 31/12/2023	219,999,900,000	2,207,827,061	17,338,802,247	239,546,529,308

(*) Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số: 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2023;

- Căn cứ Tờ trình số: 08/2023/TTr-HĐQT ngày 23/05/2023 - Về việc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2022;

- Căn cứ Quyết định của HĐQT số 10/2023/QĐ-HĐQT ngày 24/08/2023 - Về việc phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty sau khi hoàn thành việc phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Phần vốn điều lệ tăng thêm: 19.999.900.000 VNĐ.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Theo giấy chứng nhận ĐKKD	31/12/2023	01/01/2023
Đỗ Thanh Hải	21.50%	47,300,000,000	43,000,000,000
Cổ đông khác	78.50%	172,699,900,000	157,000,000,000
Cộng	100.00%	219,999,900,000	200,000,000,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023	Năm 2022
Vốn góp của chủ sở hữu	219,999,900,000	200,000,000,000
Vốn góp đầu kỳ	200,000,000,000	173,132,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ	19,999,900,000	26,868,000,000
Vốn góp cuối kỳ	219,999,900,000	200,000,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	117,036,770,665	145,355,877,234
Doanh thu cung cấp dịch vụ	851,458,363	901,442,645
Cộng	117,888,229,028	146,257,319,879
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng		
Doanh thu bán hàng	117,036,770,665	145,355,877,234
Doanh thu cung cấp dịch vụ	851,458,363	901,442,645
Cộng	117,888,229,028	146,257,319,879
3. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng hóa		
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	124,524,948	124,524,948
Cộng	109,267,131,947	127,068,128,429
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, lãi cho vay		
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1,241,610,133	1,071,512,053
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5,700,000,000	-
Lãi dự thu	19,686,026	2,364,180
Lãi đầu tư chứng khoán	201,690,478	-
Cộng	7,162,986,637	1,073,876,233
5. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay		
Chi phí lãi vay	330,326,942	986,880,119
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	731,770
Lỗ đầu tư chứng khoán	13,781,469	-
Cộng	344,108,411	987,611,889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2023	Năm 2022
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	2,189,985,336	2,290,917,982
Chi phí đồ dùng văn phòng	19,400,569	45,054,383
Chi phí khấu hao TSCĐ	375,524,689	395,342,749
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,643,355,615	1,584,293,075
Cộng	4,228,266,209	4,315,608,189
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	1,650,339,904	1,488,363,901
Chi phí vật liệu quản lý	5,570,000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	311,922,250	242,354,056
Chi phí khấu hao TSCĐ	262,330,173	215,001,453
Thuế, phí và lệ phí	15,516,000	19,015,284
Chi phí dịch vụ mua ngoài	880,284,544	582,555,780
Chi phí bằng tiền khác	29,818,000	279,698,269
Dự phòng phải thu khó đòi	16,952,296	-
Cộng	3,172,733,167	2,826,988,743
7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nhân viên	3,840,325,240	3,779,281,883
Chi phí đồ dùng văn phòng	331,322,819	287,408,439
Chi phí khấu hao tài sản cố định	637,854,862	724,492,071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,523,640,159	2,166,848,855
Chi phí khác bằng tiền	50,904,000	298,713,553
Cộng	7,384,047,080	7,256,744,801
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Lợi nhuận trước thuế	8,262,013,790	12,122,859,468
Các khoản điều chỉnh tăng	5,818,000	1,027,485
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	5,818,000	1,027,485
Các khoản điều chỉnh giảm	5,700,894,000	-
<i>Cổ tức được chia</i>	5,700,000,000	-
<i>Các khoản khác</i>	894,000	-
Thu nhập tính thuế	2,566,937,790	12,123,886,953
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	513,387,559	2,424,777,391
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	513,387,559	2,424,777,391

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**I. Giao dịch với các bên liên quan**

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần vật liệu Hải Đăng	Công ty con
Công ty Cổ phần đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	Cùng Chủ tịch hội đồng quản trị

(Từ ngày 26/04/2023, Ông Đỗ Thanh Hải đã kết thúc nhiệm kỳ Chủ tịch HĐQT kiêm TGD tại PCLand và PCLand không còn là bên quan kể từ ngày 26/04/2023)

Ông Đỗ Mạnh Tú	Cố đồng công ty, người có liên quan của người nội bộ (ông Đỗ Thanh Hải và ông Đỗ Hải Đăng)
Công ty TNHH Kiến trúc Nội thất Nethome	Công ty có Giám đốc là người có liên quan của Dà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Kế toán trưởng

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Trả trước cho người bán	-	9,897,321,412
Công ty cổ phần Vật liệu Hải Đăng	-	9,897,321,412
Phải trả cho người bán	16,827,055,442	-
Công ty cổ phần Vật liệu Hải Đăng	16,827,055,442	-
Phải trả dài hạn	200,000,000	200,000,000
Nhận ký quỹ Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand	200,000,000	200,000,000

I. Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2023	Năm 2022
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	4,781,847,973	3,705,484,929
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand	818,400,000	818,400,000
Công ty TNHH Kiến trúc nội thất Nethome	3,963,447,973	2,887,084,929
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	4,781,847,973	3,910,084,929
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand	818,400,000	1,023,000,000
Công ty TNHH Kiến trúc nội thất Nethome	3,963,447,973	2,887,084,929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo):

Mua hàng hóa dịch vụ		96,953,150,168	122,194,343,439
Ông Đỗ Mạnh Tú		24,000,000	24,000,000
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand - Chi nhánh Thái Nguyên		111,192,000	-
Công ty cổ phần Vật liệu Hải Đăng	Công ty con	96,817,958,168	122,170,343,439
Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trong kỳ		80,228,773,314	159,264,024,779
Ông Đỗ Mạnh Tú		24,000,000	24,000,000
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand - Chi nhánh Thái Nguyên		111,192,000	-
Công ty cổ phần Vật liệu Hải Đăng	Công ty con	80,093,581,314	159,240,024,779
Phải thu, chi hộ trong kỳ		9,877,488	8,756,130
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand		9,877,488	8,756,130
Đặt cọc		-	20,000,000,000
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand		-	20,000,000,000
Trả lại tiền đặt cọc		-	20,000,000,000
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand		-	20,000,000,000

2. Thu nhập thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác.**+ Thu nhập thành viên Hội đồng quản trị:**

Lương và thưởng	Chức vụ		
Ông Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	-	-
Bà Đào Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Đỗ Hải Đăng	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổ trưởng tổ Kiểm toán nội bộ	-	-
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Thành viên HĐQT	-	-

+ Thu nhập của tổ Kiểm toán nội bộ:

Lương và thưởng		101,831,000	29,535,538
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên tổ Kiểm toán nội bộ	101,831,000	29,535,538

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Thu nhập thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác (tiếp theo):

+ Thu nhập của Thành viên Ban kiểm soát:

Lương và thưởng		494,041,332	322,052,139
Bà Đỗ Thị Hương	Thành viên ban Kiểm soát	160,983,444	56,109,000
Bà Đỗ Thị Thùy Linh	Thành viên ban Kiểm soát	164,920,444	135,871,810
Bà Nguyễn Thị Thùy	Trưởng ban Kiểm soát	168,137,444	130,071,329

+ Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

Lương và thưởng		346,424,778	217,226,231
Bà Đào Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc	346,424,778	217,226,231

+ Thu nhập của Kế toán trưởng:

Lương và thưởng		299,852,593	201,058,213
Bà Trần Thị Vui	Nguyên Kế toán trưởng	-	120,135,615
Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng	299,852,593	80,922,598

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Như Quỳnh



Đào Thị Kim Oanh